

Phụ lục VI

BIỂU PHÍ F - BIỂU PHÍ SPDV LIÊN QUAN ĐẾN CHO VAY DÀNH CHO KHDN

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
1	PHÍ PHẠT TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN <i>(Áp dụng cho KH tất toán khoản vay trước hạn hoặc trả nợ trước hạn một phần)</i>			
	<i>(Trường hợp các khoản vay sau miễn phí trả nợ trước hạn:</i> - Các khoản vay có nguồn trả nợ từ các khoản phải thu gồm quyền đòi nợ, LC xuất, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu; - Các khoản vay có tài sản bảo đảm là hàng hóa có nguồn trả nợ từ việc giải chấp hàng hóa này để xuất bán theo nguyên tắc tiền vào hàng ra. Giá trị trả nợ trước hạn được miễn phí trả nợ trước hạn tương ứng với giá trị TSBĐ được giải chấp xuất bán, tối đa bằng giá trị mua bán thực tế; - Các khoản vay theo hạn mức tín dụng ngắn hạn) 			
1.1	Khoản vay ngắn hạn			
1.1.1	Thời gian còn lại của khoản vay tại thời điểm trả nợ trước hạn $\leq 30\%$ thời hạn vay được phê duyệt	Miễn phí		
1.1.2	Thời gian còn lại của khoản vay tại thời điểm trả nợ trước hạn $> 30\%$ và $\leq 50\%$ thời hạn vay được phê duyệt	$0,25\% \times \text{Số tiền trả nợ trước hạn}$	200.000 VNĐ	
1.1.3	Thời gian còn lại của khoản vay tại thời điểm trả nợ trước hạn $> 50\%$ thời hạn vay được phê duyệt	$0,5\% \times \text{Số tiền trả nợ trước hạn}$	300.000 VNĐ	
1.2	Khoản vay trung dài hạn			
1.2.1	Thời gian còn lại của khoản vay tại thời điểm trả nợ trước hạn $\leq 30\%$ thời hạn vay được phê duyệt	Miễn phí		

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
1.2.2	Thời gian còn lại của khoản vay tại thời điểm trả nợ trước hạn > 30% và ≤ 50% thời hạn vay được phê duyệt	1,5% x Số tiền trả nợ trước hạn	500.000 VNĐ	Tối đa không thấp hơn 200.000.000 VNĐ
1.2.3	Thời gian còn lại của khoản vay tại thời điểm trả nợ trước hạn > 50% thời hạn vay được phê duyệt	2,0% x Số tiền trả nợ trước hạn	500.000 VNĐ	Tối đa không thấp hơn 200.000.000 VNĐ
1.3	Trường hợp KH bị buộc phải trả nợ trước hạn theo quy định của SHB	Miễn phí		
2	Phí duy trì hạn mức tín dụng dự phòng	0,05%/tháng x Thời gian duy trì HMTD dự phòng (tháng) x Giá trị HMTD dự phòng		
3	Đồng tài trợ			
3.1	Phí thu xếp khoản vay	0,05% x Số tiền cam kết đồng tài trợ	2.000.000 VNĐ	
3.2	Phí đầu mối	0,05%/năm x Thời gian cho vay x Dư nợ của TCTD đồng tài trợ	1.000.000 VNĐ	
3.3	Phí quản lý tài sản bảo đảm	- Lần đầu khi nhận và xác định giá trị tài sản: 0,05% x Giá trị TSBĐ. - Các lần xác định lại giá trị tài sản: 0,025% x Giá trị TSBĐ.		
4	Phí cam kết rút vốn (Thu phí theo hướng dẫn chi tiết tại Mục 14 phần "Ghi chú" bên dưới)			
4.1	Đối với món vay ngắn hạn	0,25% x Giá trị cho vay		

STT	KHOẢN MỤC	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
4.2	Đối với món vay trung dài hạn	0,5% x Giá trị cho vay		

Ghi chú:

1. Biểu phí này không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (VAT).
2. Biểu phí này có thể được thay đổi, chỉnh sửa theo quy định của SHB trong từng thời kỳ.